TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18-01-2018
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Hà Tuấn Vĩnh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Bùi Thanh Hưởng.**

Ông: **Cao Xuân Tú.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vương Thị Minh Khuê** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị My Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ***Xin Văn T*** - SN 1991.
Địa chỉ: Tổ N, thị trấn Q, huyện P, tỉnh G.
- Bị đơn: ***Ly Thị S*** - SN 1990
Địa chỉ: Tổ N, thị trấn Q, huyện P, tỉnh G.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Xin Văn T trình bày: Anh và vợ là chị Ly Thị S vợ chồng kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ anh có quan hệ ngoại tình, vợ anh thường xuyên lén lút anh nhắn tin tình cảm gọi điện thoại cho người đàn ông khác, từ đó vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau và thường cãi chửi nhau, việc mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng chị S vẫn nhắn tin và gọi điện cho người đàn ông khác với những lời lẽ tình cảm hẹn hò, yêu

đương. Có lần chị Lù Thị Minh P là vợ của anh L người mà chị S thường nhắn tin, gọi điện với những lời lẽ tình cảm yêu đương đến gặp anh và nói rằng vợ anh có quan hệ ngoại tình với chồng chị là anh L, bản thân anh đã khuyên bảo chị S không được nhắn tin, gọi điện cho người đàn ông khác nữa nhưng chị S chỉ dừng được một thời gian rồi lại tiếp tục. Hiện tại anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không quan tâm chăm sóc đến nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Xác định tình cảm không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chưa có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Ly Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như anh T trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn thì chị cho rằng không đúng như anh T trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 8 năm 2017, nguyên nhân là do chồng chị hay ghen tuông và mắng chửi chị, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chồng chị cho rằng chị ngoại tình nhưng không có chứng cứ, chồng chị chửi, đánh chị, đập điện thoại của chị và đuổi chị ra khỏi nhà, chị thừa nhận là có nhắn tin cho anh L chồng chị P, nhưng chỉ là những tin nhắn bạn bè bình thường, anh L đã xin số điện thoại của chị và gọi điện cho chị chứ chị không chủ động gọi cho anh L, vợ anh L là chị P có lên zalo cố tình gài bẫy chị để chị nhắn lại, những lời chị nhắn chỉ mang tính chêu đùa, chị không có quan hệ ngoại tình với anh L. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên can thiệp, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Lúc đầu chị nhất chí ly hôn, tuy nhiên đến khi Tòa án hòa giải chị đổi ý không nhất chí ly hôn mặc dù chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không quan tâm chăm sóc đến nhau, chị yêu cầu nếu anh T đưa ra được bằng chứng cụ thể là chị có quan hệ ngoại tình thì chị mới đồng ý ly hôn, chị biết mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nhưng chị vẫn không nhất trí ly hôn

Về nuôi con chung, tài sản, công nợ: Như anh T trình bày là đúng, chị không yêu cầu giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải để hướng các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng tại phiên hòa giải các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà anh Xin Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; con chung chưa có; tài sản, công nợ không có không đề nghị giải quyết. Ly Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu anh T đưa bằng chứng về việc chị có quan hệ ngoại tình nếu không có bằng chứng thì chị đề nghị vợ chồng được đoàn tụ mặc dù chị xác định vợ chồng không còn tình cảm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự đã thực hiện đúng qui định điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ vụ án, về thời hạn xét xử,các đương sự chấp hành tốt việc triệu tập của Tòa án... Tại phiên tòa thực hiện đúng qui định điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nào bị thay đổi, đúng thành phần, bảo đảm nguyên tắc xét xử. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn, con chung, tài sản, công nợ không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Xin Văn T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Ly Thị S có nơi cư trú là Tổ N, thị trấn Q, huyện P, G, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cứ trú nên Tòa án nhân dân huyện Hoàng su Phì thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về hôn nhân: Anh Xin Văn T và chị Ly Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 21/10/2014 tại UBND xã N, huyện P, tỉnh G nên hôn nhân giữa anh T và chị S là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống anh T và chị S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, hai bên không còn có sự tôn trọng, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình can thiệp, hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2017, quá trình sống ly thân hai vợ chồng không quan tâm đến nhau cũng như quá trình Tòa án giải quyết, chị S không nhất trí ly hôn nhưng lại không có các động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác anh T và chị S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh T yêu cầu ly hôn chị S, chị S không nhất trí ly hôn, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T về việc xin ly hôn chị Ly Thị S.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị S xác nhận chưa có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị Song xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Xin Văn T. Anh Xin Văn T được ly hôn chị Ly Thị S.

Về Án phí: Anh Xin Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì theo biên lai số 04036, ngày 05/10/2017. Anh T đã nộp đủ án phí, chị S không phải chịu án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tòa án báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện HSP;
- Các đương sự;
- UBND xã Tụ Nhân;
- Chi cục THA huyện HSP;
- Lưu HS-BP.

Hà Tuấn Vĩnh